

Phụ lục II
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /01/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò dầu 1.500 Kcal.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 03 tấn hơi/h dự phòng.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 05 tấn hơi/h.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi dự phòng công suất 1,5 tấn hơi/h.

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả thải

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 03 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải
 - + Dòng khí thải số 01: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò dầu truyền nhiệt và lò hơi 03 tấn hơi/h dự phòng (ứng với nguồn số 01 và số 02).
 - + Dòng khí thải số 02: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 05 tấn hơi/h (ứng với nguồn số 03).
 - + Dòng khí thải số 03: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò hơi dự phòng công suất 1,5 tấn hơi/h (ứng với nguồn số 04).
 - Lưu lượng xả khí thải tối đa
 - + 01 dòng khí thải (ứng với nguồn số 01 và 02): Lưu lượng xả thải tối đa 30.000 m³/h.
 - + 01 dòng khí thải (ứng với nguồn số 03): Lưu lượng xả thải tối đa 50.000 m³/h.
 - + 01 dòng khí thải (ứng với nguồn số 04): Lưu lượng xả thải tối đa 25.000 m³/h.
 - Vị trí xả khí thải
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải của nguồn số 01 và 02: X(m) = 2257220; Y(m) = 567298.
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải nguồn số 03: X(m) = 2257219,5; Y(m) = 567297,5.
 - + Tọa độ vị trí xả khí thải nguồn số 04: X(m) = 2257220,5; Y(m) = 567298,5.
- (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3^o)
- Phương thức xả thải: Cường bức bằng quạt đẩy, gián đoạn không theo chu kỳ.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B), áp dụng hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1$, cụ thể như sau:

Bảng 2: Giới hạn giá trị thông số trong khí thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Nồng độ tối đa QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	
			C	$C_{max} (K_p = 0,9; K_v = 1)$
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	180
2	CO	mg/Nm ³	1.000	900
3	NO _x	mg/Nm ³	850	765
4	SO ₂	mg/Nm ³	500	450

Khi có sự thay đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01 và 02: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò dầu và lò hơi công suất 03 tấn hơi/h được quạt hút công suất 15 KW thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 05 tấn hơi/h được quạt hút công suất 25 KW thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

- Nguồn số 04: Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi dự phòng công suất 1,5 tấn hơi/h được quạt hút công suất 07 KW thu gom theo đường ống dẫn về hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công trình, biện pháp xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò dầu và lò hơi công suất 03 tấn hơi/h: Bụi, khí thải từ lò dầu và lò hơi công suất 03 tấn hơi/h → Quạt đẩy → Cyclon → Quạt hút → Bể hấp thụ bằng nước vôi trong → Quạt hút → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) → Ống thoát khí cao 11 m.

- Công trình, biện pháp xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 05 tấn hơi/h: Bụi, khí thải từ lò hơi 05 tấn/h → Quạt đẩy → Cyclon → Bể hấp thụ bằng nước vôi trong → Quạt hút → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) → Ống thoát khí cao 15 m.

- Công trình, biện pháp xử lý, giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 1,5 tấn hơi/h: Bụi, khí thải từ lò hơi 1,5 tấn/h

dự phòng → Quạt đẩy → Cyclon kết hợp hấp thụ bằng nước vôi trong → Quạt hút → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) → Ống thoát khí cao 10 m.

Lỗi kỹ thuật trên thân ống thoát khí của các hệ thống xử lý khí thải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hóa chất sử dụng: Vôi (Ca(OH)_2): 300 kg/năm giai đoạn hiện tại; 500 kg/năm giai đoạn hoạt động tối đa.

* Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải khác

- Đối với xưởng dệt

+ Công ty thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trong xưởng, thu gom bụi bông phát sinh từ quá trình dệt, tần suất vệ sinh là 02 lần/ngày.

+ Bố trí hệ thống quạt thông gió làm thông thoáng nhà xưởng, tổng cộng quạt thông gió trong xưởng dệt là 06 quạt, công suất 15 KW/quạt.

+ Trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang chống bụi cho công nhân. Đặc biệt là công nhân làm tại các công đoạn có nồng độ bụi cao. Thường xuyên che phủ, bố trí 02 quạt phun sương tại những nơi phát sinh nhiều bụi, tránh phát tán bụi ra các khu vực xung quanh.

- Đối với xưởng nhuộm: Công ty trang bị hệ thống thiết bị tẩy, nhuộm có nắp đậy kín khi diễn ra hoạt động nấu, tẩy, giặt, nhuộm nên hạn chế được hơi nước kéo theo NaOH , CH_3COOH thoát ra. Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện một số biện pháp giảm thiểu hơi mùi phát sinh tại khu vực xưởng nhuộm như sau:

+ Thường xuyên kiểm tra độ kín của thiết bị để phát hiện các rò rỉ và xử lý kịp thời; các máy giặt, nhuộm được lắp đặt với khoảng cách phù hợp; thao tác đúng kỹ thuật để cấp hơi nước vừa đủ cho thiết bị.

+ Kết hợp với thông số gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức nhà xưởng: Trong xưởng nhuộm có lắp đặt 06 quạt công nghiệp công suất 15 kw/quạt.

+ Trang bị khẩu trang đặc biệt, bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp tham gia vận hành thiết bị nhuộm, giặt tẩy.

- Trồng cây xanh, cây cảnh xung quanh nhà máy.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Biện pháp ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị máy móc thu gom bụi, khí thải nhằm phát hiện kịp thời sự cố về các quạt hút. Khi có sự cố, Công ty dừng hoạt động lò hơi, cử công nhân kịp thời sửa chữa và thay thế các thiết bị hỏng hóc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Tối đa 06 tháng (kể từ tháng 01/2024 đến tháng 6/2024).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi công suất 05 tấn hơi/h

(Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò dầu và lò hơi công suất 03 tấn hơi/h và hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu truyền nhiệt cho lò hơi dự phòng công suất 1,5 tấn hơi/h không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ vì 02 công trình này đã được xác nhận hoàn thành theo Giấy xác nhận hoàn thành các công trình Bảo vệ môi trường số 3137/XN-STNMT ngày 11/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

01 mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/h.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại phần 2 mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Tiến hành lấy mẫu tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 05 tấn/h trong 03 ngày liên tiếp. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom triệt để bụi, hơi mùi khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định để kịp thời xử lý./.